

NỘI DUNG ÔN TẬP _ KHỐI 12
CÁC MÔN KIỂM TRA TẬP TRUNG CUỐI KỲ HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 – 2023

1. TOÁN HỌC

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Nguyên hàm-Tích phân - Ứng dụng của tích phân	Nguyên hàm	1)Nhận biết: +Biết khái niệm nguyên hàm, +Biết các tính chất cơ bản của nguyên hàm +Biết bảng các nguyên hàm cơ bản 2)Thông hiểu: +Hiểu phương pháp tìm nguyên hàm của một số hàm đơn giản dựa vào bảng nguyên hàm cơ bản +Tìm được nguyên hàm bằng phương pháp tính nguyên hàm từng phần. +Tìm được nguyên hàm bằng phương pháp đổi biến. 3)Vận dụng: Vận dụng phương pháp đổi biến,phương pháp tính nguyên hàm từng phần và một số phép biến đổi đơn giản vào tìm nguyên hàm. 4) Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt các phép biến đổi phức tạp, kết hợp linh hoạt các phương pháp đổi biến và phương pháp tính nguyên hàm từng phần. Liên kết được các đơn vị kiến thức khác.	- Thời lượng: 90 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
		Tích phân	1)Nhận biết: +Biết khái niệm tích phân,	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			+Biết các tính chất cơ bản của tích phân. +Biết ý nghĩa hình học của tích phân. 2)Thông hiểu: Hiểu phương pháp tính tích phân của một số hàm đơn giản dựa vào bảng nguyên hàm cơ bản +Tính được tích phân bằng phương pháp tích phân từng phần. +Tính được tích phân bằng phương pháp đổi biến. 3)Vận dụng: Vận dụng phương pháp đổi biến, phương pháp tích phân từng phần và một số phép biến đổi đơn giản vào tính tích phân. 4) Vận dụng cao: Vận dụng các phép biến đổi phức tạp, kết hợp linh hoạt các phương pháp đổi biến và phương pháp tính tích phân từng phần. Liên kết được các đơn vị kiến thức khác.	
		Ứng dụng tích phân trong hình học	1)Nhận biết: +Biết công thức tính diện tích hình phẳng +Biết công thức tính thể tích vật thể, thể tích khối tròn xoay nhờ tích phân 2)Thông hiểu: +Tính được diện tích hình phẳng, thể tích vật thể, thể tích khối tròn xoay nhờ tích phân ở mức độ đơn giản 3)Vận dụng: Vận dụng được công thức và tính được diện tích hình phẳng, thể tích vật thể, thể tích khối tròn xoay nhờ tích phân. 4) Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt việc xây dựng và áp dụng được diện tích hình phẳng, thể tích vật thể, thể tích khối tròn xoay nhờ tích phân từ các đường giới hạn phức tạp. +Áp dụng vào giải các bài toán thực tế và bài toán liên quan khác	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
2	Số phức	Số phức	1)Nhận biết: +Biết được các khái niệm về số phức: Dạng đại số; phần thực; phần ảo; mô đun; số phức liên hợp. +Biết biểu diễn hình học của một số phức 2)Thông hiểu: Hiểu và tìm được phần thực, phần ảo, mô đun, số phức liên hợp của số phức cho trước. +Hiểu cách biểu diễn hình học của số phức 3)Vận dụng: Vận dụng các khái niệm, tính chất về số phức vào các bài toán liên quan 4)Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt các khái niệm về số phức vào các bài toán khác:Tìm số phức thỏa mãn điều kiện cho trước, tìm min, max liên quan số phức.....	
		Cộng, trừ và nhân, chia số phức	1)Nhận biết: Biết được phép cộng, trừ, nhân 2 số phức đơn giản - Biết được phép chia 2 số phức đơn giản 2)Thông hiểu: Hiểu và tính tổng, hiệu, nhân 2 hoặc nhiều số phức - Tính được phép chia số phức 3)Vận dụng: Vận dụng được các phép toán cộng, trừ, nhân, chia số phức 4)Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt các phép toán cộng, trừ, nhân ,chia số phức vào các bài toán khác:Tìm số phức thỏa mãn điều kiện cho trước, tìm min, max liên quan số phức.....	
		2.4 Phương trình bậc hai với hệ số thực	1)Nhận biết: Biết khái niệm căn bậc 2 của số phức +Biết được dạng phương trình bậc hai ẩn phức với hệ số thực.	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			2) Thông hiểu: +Tìm được căn bậc hai của số phức +Hiểu phương pháp giải phương trình bậc hai ẩn phức với hệ số thực, tìm được công thức nghiệm. 3) Vận dụng: Vận dụng phương pháp giải phương trình bậc hai ẩn phức với hệ số thực vào giải phương trình 4) Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt cách giải phương trình bậc hai ẩn phức với hệ số thực vào các bài toán khác	
3	Phương pháp tọa độ trong không gian	Hệ tọa độ trong không gian	1) Nhận biết: Biết các khái niệm về hệ tọa độ trong không gian, tọa độ của một véc tơ, tọa độ của một điểm, biểu thức tọa độ của các phép toán véc tơ, khoảng cách giữa hai điểm +Biết khái niệm và một số ứng dụng của tích véc tơ (tích véc tơ với một số thực, tích vô hướng của hai véc tơ) +Biết phương trình mặt cầu + Góc giữa hai véc tơ 2) Thông hiểu: Tính được tọa độ của véc tơ tổng, hiệu của hai véc tơ, tích của véc tơ với một số thực, tính được tích vô hướng của hai véc tơ, tính được góc giữa hai véc tơ, tính được khoảng cách giữa hai điểm +Tìm được tọa độ tâm và tính bán kính mặt cầu có phương trình cho trước 3) Vận dụng Vận dụng được các phép toán về tọa độ véc tơ, tọa độ của điểm, công thức khoảng cách giữa hai điểm, xét tính cùng phương của hai véc tơ... +Viết phương trình mặt cầu biết một số yếu tố cho trước	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			4) Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt các phép toán tọa độ của véc tơ, của điểm vào các bài toán liên quan khác	
		3.2 Phương trình mặt phẳng	1) Nhận biết: Biết khái niệm véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng, biết dạng phương trình mặt phẳng, nhận biết được điểm thuộc mặt phẳng +Biết điều kiện hai mặt phẳng song song, cắt nhau, vuông góc +Biết công thức khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng + Góc giữa hai mặt phẳng 2) Thông hiểu: Hiểu véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng, xác định được véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng có phương trình cho trước +Tìm được véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng khi biết hai véc tơ không cùng phương có giá song song hoặc trùng với mặt phẳng đó +Tính được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng - Cho mặt phẳng (P) và mặt cầu(S) xét vị trí tương đối mặt phẳng và mặt cầu (cắt, tiếp xúc và không có điểm chung) 3) Vận dụng: Vận dụng phương pháp viết phương trình mặt phẳng, tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng 4) Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt phương trình mặt phẳng trong các bài toán liên quan	
		Phương trình đường thẳng	1) Nhận biết: Biết khái niệm véc tơ chỉ phương của đường thẳng, biết dạng phương trình tham số đường thẳng, nhận biết được điểm	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			thuộc đường thẳng. Góc giữa hai đường thẳng 2)Thông hiểu Hiểu véc tơ chỉ phương của đường thẳng, xác định được véc tơ chỉ phương của đường thẳng có phương trình cho trước +Tìm được véc tơ chỉ phương của đường thẳng biết đường thẳng vuông góc với giá của hai véc tơ không cùng phương +Hiểu điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song, vuông góc - xét được vị trí tương đối của hai đường thẳng khi biết phương trình 3)Vận dụng: Vận dụng phương pháp viết phương trình đường thẳng, Tìm tham số m khi biết vị trí tương đối của hai đường thẳng 4)Vận dụng cao: Vận dụng linh hoạt phương trình đường thẳng trong các bài toán liên quan	

2. VẬT LÝ

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Dao động và sóng điện từ	- Mạch dao động và điện từ trường	Nhận biết: - Mạch dao động - Quan hệ về pha giữa i , u và q - Tính toán chu kỳ, tần số, tần số góc mạch dao động Thông hiểu: - Quan hệ giữa điện trường và từ trường - Điện từ trường và thuyết điện từ Mac-xoen Vận dụng cao: - Xác định i , u và q	- Thời lượng: 50 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
		- Sóng điện từ.	Nhận biết: - Định Nghĩa, Đặc điểm và tính chất sóng điện từ	
		- Nguyên tắc thông tin liên lạc bằng sóng vô tuyến.	Nhận biết: - Sơ đồ khối của một máy phát và thu thanh vô tuyến đơn giản Thông hiểu: - Nguyên tắc chung của thông tin liên lạc bằng sóng vô tuyến - Phân biệt sóng vô tuyến	
2	Sóng ánh sáng	Tán sắc ánh sáng	Nhận biết: - Khái niệm ánh sáng trắng, ánh sáng đơn sắc. Đặc điểm tán sắc qua lăng kính Thông hiểu: - Giải thích, ứng dụng hiện tượng tán sắc	
		Giao thoa ánh sáng.	Nhận biết: - Hiện tượng giao thoa, vân sáng, vân tối Thông hiểu: - Tính toán khoảng vân Vận dụng: - Tính toán vị trí vân - Tính số vân - Tính vân trùng	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			Vận dụng cao: - Tính số vân - Tính vân trùng - Tính số vân sáng trong 1 vùng	
		Các loại quang phổ	Thông hiểu: - Định nghĩa, cấu tạo, nguyên tắc hoạt động của máy quang phổ Vận dụng: - Định nghĩa, Nguồn phát, tính chất và ứng dụng các loại quang phổ	
		Tia hồng ngoại, tia tử ngoại, tia X	Nhận biết: - Cách tạo ra các tia - So sánh các loại tia - liên hệ giữa bước sóng và loại tia - Quan hệ giữa tần số và bước sóng Thông hiểu: - Nguồn phát các loại tia - Bản chất, tính chất và ứng dụng tia x Vận dụng: - Bản chất, tính chất và ứng dụng các loại tia - Tính chất các tia trong thang sóng điện từ	
3	Lượng tử ánh sáng	- Hiện tượng quang điện, quang điện trong. Thuyết lượng tử ánh sáng - Hiện tượng quang – phát quang	Nhận biết: - Phân biệt loại electron - Năng lượng photon - Điều kiện xảy ra hiện tượng quang dẫn Thông hiểu: - Ý nghĩa thuyết lượng tử - Lưỡng tính sóng hạt - Định luật 1 quang điện - Định nghĩa hiện tượng quang điện, hiện tượng quang điện	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			Vận dụng cao: - Tính chất photon - giới hạn quang điện, quang dẫn - Ứng dụng hiện tượng quang điện trong	
		- Mẫu nguyên tử Bo - Sơ lược về laze	Nhận biết: - Bán kính quỹ đạo dừng Thông hiểu: - Tính chất về laze - Hai tiên đề của Bo Vận dụng: - Tiên đề Bo thứ hai	
4	Hạt nhân nguyên tử	- Tính chất và cấu tạo hạt nhân	Nhận biết: - Cấu tạo hạt nhân - Đồng vị hạt nhân	
		- Năng lượng liên kết hạt nhân. Phản ứng hạt nhân	Nhận biết: - Tính độ hụt khối Thông hiểu: - Tính năng lượng liên kết Vận dụng: - Tính năng liên kết riêng - Phản ứng tỏa hay thu năng lượng	
		- Phóng xạ	Thông hiểu: - Tính số hạt nhân - Tính khối lượng hạt nhân - Tính chu kỳ phóng xạ Vận dụng cao: - Tính khối lượng hạt nhân bị phóng xạ - Tính số hạt nhân bị phóng xạ	

3. HÓA HỌC

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Nhôm và hợp chất của nhôm.	- Nhôm - Hợp chất của nhôm.	Nhận biết: - Vị trí, lý tính, điều chế, hóa tính, lưu ý tính lưỡng tính, cấu hình electron,... 2) Thông hiểu: - Giải thích được tính lưỡng tính, nêu ứng dụng của nhôm và hợp chất,... 3) Vận dụng: - Cân bằng phản ứng oxi hóa khử,... - Giải một số bài tập liên quan đến nhôm và hợp chất,... 4) Vận dụng cao: - Giải một số bài tập liên quan đến nhôm và hợp chất, bài tập hỗn hợp Al và các kim loại khác,...	- Thời lượng: 50 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Sắt và hợp chất của sắt.	- Sắt và hợp chất của sắt. - Hợp kim của sắt	1) Nhận biết: - Vị trí, lý tính, điều chế, hóa tính, cấu hình electron,... 2) Thông hiểu: - Cân bằng phản ứng oxi hóa khử,... - Nêu hiện tượng,... 3) Vận dụng: - Giải một số bài tập liên quan đến sắt và hợp chất, hợp kim sắt,... 4) Vận dụng cao: - Giải một số bài tập liên quan đến sắt và hợp chất, hợp kim sắt, bài tập hỗn hợp Fe và các kim loại khác,...	
3	Crom và hợp chất của crom.	Crom và hợp chất của crom.	1) Nhận biết: - Vị trí, lý tính, điều chế, hóa tính, lưu ý tính lưỡng tính, cấu hình electron, số oxi hóa,...	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			2) Thông hiểu: - Cân bằng phản ứng oxi hóa khử,... - Nêu hiện tượng,... 3) Vận dụng: - Giải một số bài tập liên quan đến crom và hợp chất,... 4) Vận dụng cao: - Giải một số bài tập liên quan đến crom và hợp chất, phản ứng nhiệt nhôm, bài tập hỗn hợp crom và các kim loại khác,...	
4	Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường	Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường	Nhận biết: Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường,...	

4. SINH HỌC

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Các bằng chứng tiến hóa	Bằng chứng tiến hóa trực tiếp, gián tiếp		- Thời lượng: 50 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại	Nội dung, nguyên liệu, chiều hướng, các nhân tố tiến hóa		
3	Môi trường và các nhân tố sinh thái	Môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái, ổ sinh thái		
4	Quần xã sinh vật, các đặc trưng cơ bản của quần xã	Khái niệm quần xã, loài ưu thế, loài đặc trưng, sự phân bố, mối quan hệ giữa các cá thể trong quần xã		
5	Trao đổi chất trong hệ sinh thái	Chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, tháp sinh thái		
6	Bài tập di truyền quần thể	Tần số alen, trạng thái cân bằng của quần thể, sự biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể		

5. NGŨ VĂN

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Đọc hiểu - Tất cả các văn bản đã học trong sách giáo khoa - Các văn bản ngoài chương trình	- Phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của văn bản - Biện pháp tu từ và nêu tác dụng - Nội dung chính (hoặc chủ đề, câu chủ đề...) của văn bản. - Thông điệp rút ra từ văn bản...	1) Nhận biết: - Phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản 2) Thông hiểu: - Chỉ ra được các biện pháp tu từ và nêu tác dụng của nó 3) Vận dụng: Nêu nội dung chính (hoặc chủ đề, câu chủ đề...) của văn bản 4) Vận dụng cao: Thông điệp, ý nghĩa rút ra từ văn bản	- Thời lượng: 90 phút. - Hình thức: Tự luận.
2	Nghị luận xã hội	- Viết đoạn văn nghị luận xã hội được rút ra từ ngữ liệu của phần đọc hiểu. - Độ dài: 200 chữ	1) Nhận biết: Đoạn văn NLXH 200 chữ 2) Thông hiểu: Xác định vấn đề NLXH đề bài yêu cầu 3) Vận dụng: Vận dụng các thao tác lập luận 4) Vận dụng cao: Bày tỏ quan điểm cá nhân, bài học nhận thức	
3	Nghị luận văn học	Phân tích/cảm nhận đoạn trích - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> (Nguyễn Minh Châu) - <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> (Lưu Quang Vũ)		

6. LỊCH SỬ

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Bài 22: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973).	- Chiến lược chiến tranh cục bộ (1965 – 1968) - Chiến đấu chống chiến lược chiến tranh cục bộ - Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969 – 1973) - Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. - Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2 - Hiệp định Pa-ri năm 1973	1) Nhận biết: - Hoàn cảnh ra đời, chiến lược chiến tranh cục bộ, chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. 2) Thông hiểu: - Âm mưu, thủ đoạn chiến lược chiến tranh cục bộ, chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. - Âm mưu của Mỹ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2 3) Vận dụng: - Ý nghĩa cuộc tiến công chiến lược 1972 - Ý nghĩa hiệp định Pa-ri 4) Vận dụng cao: - So sánh điểm giống và khác nhau giữa chiến lược chiến tranh cục bộ và C/lược Việt Nam hóa chiến tranh	- Thời lượng: 50 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Bài 23: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975).	- Miền nam đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm” - Chủ trương giải phóng miền Nam - Diễn biến chiến dịch Tây Nguyên - Diễn biến chiến dịch Huế - Đà Nẵng - Diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh - Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ	1) Nhận biết: - Miền Nam đấu tranh chống địch bình định và lấn chiếm - Nội dung hội nghị lần thứ 21 (7/1973) 2) Thông hiểu: - Chủ trương giải phóng miền Nam - Diễn biến chiến dịch Tây Nguyên - Diễn biến chiến dịch Huế - Đà Nẵng - Diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh 3) Vận dụng: - Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ 4) Vận dụng cao: - Nguyên nhân nào là quan trọng nhất trong thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
3	Bài 24: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975.	- Tình hình 2 miền Nam – Bắc sau 1975 - Tiến trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước - Ý nghĩa của tiến trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước	1) Nhận biết: - Tình hình 2 miền Nam – Bắc sau 1975 - Hoàn cảnh thống nhất đất nước về mặt nhà nước 2) Thông hiểu: - Tiến trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước - Ý nghĩa của quốc hội khóa VI 3) Vận dụng: - Ý nghĩa của tiến trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước 4) Vận dụng cao: - Ý nghĩa của tiến trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước	

7. ĐỊA LÝ

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	I. NGÀNH KINH TẾ	Bài 31: Địa lý ngành Thương mại và du lịch	1. Nhận biết: + Liệt kê được thị trường xuất, nhập khẩu chính của nước ta. + Liệt kê được các mặt hàng xuất, nhập khẩu và mặt hàng nào chiếm tỷ lệ nhiều nhất, ít nhất. + Liệt kê được các tỉnh có giá trị xuất nhập khẩu lớn. + Liệt kê được tài nguyên du lịch tự nhiên. + Liệt kê được tài nguyên du lịch nhân văn. + Liệt kê được các trung tâm du lịch. + Liệt kê được di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới. 2. Thông hiểu: - Phân tích được những nguyên nhân làm thương mại nước ta phát triển. - Phân tích được những nguyên nhân làm du lịch nước ta phát triển. - Phân tích tình hình phát triển du lịch. 3. Vận dụng: - Xác định trên bản đồ thị trường xuất nhập khẩu. Vùng có giá trị xuất nhập khẩu cao. - Tính cán cân xuất nhập khẩu, nhận xét bảng số liệu về thương mại - Xác định trên bản đồ các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn 4. Vận dụng cao: - Phân tích mối quan hệ giữa phát triển du lịch và môi trường.	- Thời lượng: 50 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	II. VÙNG KINH TẾ	Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh vùng TDMNBB	1. Nhận biết: + Liệt kê được các tỉnh của vùng, các tỉnh có đường biên giới với TQ, Lào, vị trí tiếp giáp. + Liệt kê được các nhà máy thủy điện, nhiệt điện trong vùng. + Biết xác định sự phân bố các loại khoáng sản, các nhà máy	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			thủy điện trên sông, các cây trồng, vật nuôi, trung tâm công nghiệp, trung tâm du lịch, các tuyến đường giao thông. 2. Thông hiểu: - Giải thích những nguyên nhân về thế mạnh thủy điện, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc. - Hiểu được những khó khăn của khai thác thế mạnh khoáng sản, trồng cây CN và chăn nuôi gia súc. 3. Vận dụng: - So sánh điều kiện trồng trọt, chăn nuôi tạo ra sự khác biệt giữa TDMNBB và Tây Nguyên. - Vận dụng kiến thức tìm ra nguyên nhân tại sao vùng có tiềm năng thủy điện lớn nhất, chăn nuôi trâu, bò, trồng cây công nghiệp.	
		Bài 33. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH	1. Nhận biết: + Liệt kê được các tỉnh của vùng, vị trí tiếp giáp., đặc điểm dân số, diện tích + Liệt kê được các đặc điểm về điều kiện tự nhiên và điều kiện KTXH của vùng. 2. Thông hiểu: - Giải thích những nguyên nhân về thế mạnh và hạn chế của vùng. - Thấy được tính cần thiết của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng - Sức ép nặng nề của dân số đối với các vấn đề KT – XH ở đồng bằng sông Hồng 3. Vận dụng: - Phân tích các bản đồ, số liệu trong atlas, SGK về đặc điểm của vùng. - Phân tích số liệu tính toán các vấn đề dân số, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			4. Vận dụng cao: Thấy được sức ép của dân số đối với các vấn đề KT – XH ở ĐBSH, hướng giải quyết	
		Bài 35. Vấn đề khai thác thế mạnh vùng Bắc Trung Bộ	1. Nhận biết: + Liệt kê được các tỉnh của vùng, vị trí tiếp giáp., đặc điểm dân số, diện tích + Biết xác định sự phân bố các loại khoáng sản, các nhà máy thủy điện trên sông, các cây trồng, vật nuôi, trung tâm công nghiệp, trung tâm du lịch, các tuyến đường giao thông, cảng biển. 2. Thông hiểu: - Hiểu được thực trạng phân bố nông lâm ngư nghiệp của vùng. - Giải thích được tại sao hình thành được các vùng trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, thủy sản và vai trò của rừng. - Vì sao phải hình thành cơ cấu nông lâm – ngư nghiệp vùng. 3. Vận dụng: - Phân tích các bản đồ, số liệu trong atlas, SGK về đặc điểm của vùng. 4. Vận dụng cao: Đề xuất được hướng giải quyết trong phát triển cơ cấu nông – lâm – ngư và trong công nghiệp, GTVT.	
3	III. KỸ NĂNG	Đọc bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ	1. Nhận biết: - Đọc được các bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội. 2. Thông hiểu: - So sánh được các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam. 3. Vận dụng: - Vẽ biểu đồ, phân tích, giải thích số liệu thống kê.	

8. GDCD

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Công dân với các quyền tự do cơ bản	Công dân với các quyền tự do cơ bản	Nhận biết: - Nêu được khái niệm của một số quyền tự do cơ bản của công dân: quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; quyền được pháp luật bảo đảm an toàn về thư tín, điện thoại, điện tín; quyền tự do ngôn luận. - Nêu được nội dung của một số quyền tự do cơ bản của công dân: quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; quyền được pháp luật bảo đảm an toàn về thư tín, điện thoại, điện tín; quyền tự do ngôn luận. - Trình bày trách nhiệm của công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân. Thông hiểu: - Phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và hành vi xâm phạm các quyền tự do cơ bản của công dân. Vận dụng: - Thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân. Vận dụng cao: - Bảo vệ quyền tự do cơ bản của mình và không xâm phạm quyền tự do cơ bản của người khác. - Phê phán những hành vi vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.	- Thời lượng: 50 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Công dân với các quyền dân chủ	Công dân với các quyền dân chủ	Nhận biết: - Nêu được khái niệm các quyền dân chủ của công dân: quyền bầu cử và quyền ứng cử vào các cơ quan đại biểu của dân; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội; quyền khiếu nại, tố cáo. - Nêu được nội dung các quyền dân chủ của công dân: quyền	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			bầu cử và quyền ứng cử vào các cơ quan đại biểu của dân; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội; quyền khiếu nại, tố cáo. - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân Thông hiểu: Phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và không đúng các quyền dân chủ của công dân. Vận dụng: Thực hiện được quyền dân chủ theo đúng quy định của pháp luật. Vận dụng cao: Phê phán những hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân.	
3	Pháp luật với sự phát triển của công dân	Pháp luật với sự phát triển của công dân	Nhận biết: - Nêu được khái niệm các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân. - Nêu được nội dung các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân. Thông hiểu: Phân biệt được hành vi thực hiện đúng và chưa đúng về quyền phát triển của công dân. Vận dụng: Thực hiện được các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của bản thân theo đúng quy định của pháp luật. Vận dụng cao: Nhận xét việc thực hiện các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của những người trong gia đình và cộng đồng.	

9. TIẾNG ANH

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	UNIT 13+14+15	Pronunciation & Stress	Nhận biết: - HS phân biệt được trọng âm của từ (trọng âm 2 âm tiết, 3 âm tiết), cũng như cách phát âm của từ	- Thời lượng: 60 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
		Communication	Nhận biết: - Vận dụng được tình huống diễn đạt sự thông cảm, bày tỏ quan điểm, đưa ra ý kiến	
2	UNIT 14+15	Vocabulary	1) Nhận biết: - Word form : chọn đúng loại từ (từ vựng có trong unit 14,15) 2) Thông hiểu: - tìm từ đồng nghĩa với từ gạch dưới - chọn từ phù hợp với nghĩa của câu (từ vựng có trong unit 14,15) 3) Vận dụng: - tìm từ trái nghĩa với từ gạch dưới - Word form(có tiền tố, hậu tố)	
		Phrasal verbs	1) Nhận biết: - Sử dụng giới từ thích hợp và lựa chọn cụm giới từ thích hợp điền vào khoảng trống 2) Thông hiểu: - Tìm lỗi sai - Tìm cụm giới từ đồng nghĩa với từ gạch dưới (unit 14,15)	
3	UNIT 13+14+15	Tenses	1) Nhận biết: - cho câu có dấu hiệu nhận biết 2) Thông hiểu: - Tìm lỗi sai 3) Vận dụng cao: - Chọn được cấu trúc câu đúng	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
		Passive	1) Nhận biết: - Chỉ có 1 lựa chọn có cấu trúc bị động, các lựa chọn còn lại dạng chủ động) 2) Thông hiểu: - Tìm lỗi sai 3) Vận dụng: - Chọn câu được viết lại dạng tường thuật (say, think, believe)	
		Relative clauses	1) Nhận biết: - Sử dụng đúng đại từ hoặc trạng từ quan hệ điền vào chỗ trống 2) Thông hiểu: - Tìm lỗi sai	
4	UNIT 13	Comparison	1) Nhận biết: - Cho câu đã có sẵn 1 yếu tố, hs nhận biết được loại so sánh để chọn lựa đáp án 2) Thông hiểu: - Cho câu gợi ý, hs sử dụng cấu trúc so sánh đồng tiến, lũy tiến chọn câu thích hợp	
5	UNIT 13+14+15	If clauses	1) Nhận biết: - Cho sẵn 1 vế, điền vào vế còn lại. 2) Vận dụng: - Cho tình huống, chọn câu viết lại mà không thay đổi nghĩa. (có thể sử dụng đảo ngữ)	
		Reported Speech	1) Nhận biết: - Hs hiểu và chọn đúng câu chuyển từ trực tiếp sang gián tiếp 2) Thông hiểu: - Học sinh biết cách lùi thì cũng như đổi các trạng từ trong câu. (wh- question) 3) Vận dụng:	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			- Reported speech (suggest, thank, apologise...)	
6	UNIT 14+15	Cloze test	1) Nhận biết: - Điền khuyết đoạn văn theo chủ đề unit 14,15 2) Vận dụng: - Điền khuyết đoạn văn theo chủ đề unit 14,15 3) Vận dụng cao: - Điền khuyết đoạn văn theo chủ đề unit 14,15	